

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2019.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vũ Văn Chiến và bà Phạm Thị Mai.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thu T - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 164, đường Lý Thái T, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí T - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thu T còn vắng mặt anh Nguyễn Chí T (anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Phạm Thu T trình bày: Chị và anh T sau thời gian tự do tìm hiểu nhau gần một năm, sau đó chị và anh T quyết định xây dựng gia đình với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Đông T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị và anh T kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, lừa dối gì. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương,

sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà và sinh sống tại phường Đông T, thành phố Thanh Hóa. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc với nhau khoảng hai năm, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vào năm 2015 anh T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Khánh H để sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau kể từ thời gian đó cho đến nay, trong thời gian này chị và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh T không thể về đoàn tụ được nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con: Chị xác định vợ chồng cho đến nay có một con chung là cháu Nguyễn Thiên B, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2013, hiện nay cháu B đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Thiên B cho chị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục và chị yêu cầu anh Nguyễn Chí T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu B hàng tháng với mức là 1.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Về con riêng chị và anh T không ai có. Do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh T trong quá trình chung sống cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, do vậy nay ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Chí T, hiện tại anh đang có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại xóm Đ, xã Khánh H, huyện Yên Khánh. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án thì anh T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, sau đó Tòa án báo gọi nhiều lần và trực tiếp giao các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Việc anh T không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ và bản tự khai cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh T phải chịu hậu quả của việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án căn cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh Nguyễn Chí T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thu T xử cho ly hôn với anh Nguyễn Chí T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên B, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2013 cho chị Phạm Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tại phiên tòa chị T có đơn không yêu

cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị vì chị có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu, do vậy về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa vào ngày 26/4/2019 có mặt chị Phạm Thu T còn anh Nguyễn Chí T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thu T có mặt còn anh Nguyễn Chí T vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Chí T đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau khoảng một năm, sau đó mới kết hôn, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Đông T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được hai năm thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên đến năm 2015 anh T đã bỏ về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh và vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị T và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí T. Căn cứ vào tài liệu do chị T xuất trình cũng như qua biên bản làm việc với anh T và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Chí T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thu T xin ly hôn với anh Nguyễn Chí T là phù hợp.

[3] **Về con:** Chị T và anh T cho đến nay có một con chung là cháu Nguyễn Thiên B, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2013, hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về con. Vì vậy giao cháu Nguyễn Thiên B cho chị T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng trong quá trình giải quyết chị T yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu B hàng tháng cho chị với mức là 1.000.000 đồng, song tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn thay đổi không yêu cầu việc anh T có nghĩa vụ

cấp dưỡng đối với cháu B là tự nguyện, nên về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T không đặt ra. Về con riêng chị và anh T không có và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết thì chị Phạm Thu T xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn chị T không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thu T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thu T về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ” đối với anh Nguyễn Chí T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu T được ly hôn anh Nguyễn Chí T.

- Về con: Giao cháu Nguyễn Thiên B, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2013 cho chị Phạm Thu T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Chí T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Thiên B và anh T có quyền đi lại thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Phạm Thu T xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn chị T không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Thu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA /2013/ 0001955 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND phường Đông T- Thanh Hóa.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung